

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG**

*Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 33
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Xây dựng - thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội theo quyết định số 2077/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 23 tháng 04 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 201 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Viên Ngọc Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Bà Quách Thị Hòa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông Lê Huy Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông Hà Minh Khôi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông Nguyễn Văn Út	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông Trần Đại Quang	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010
Ông Phạm Văn Khiêm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Viên Ngọc Bảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông Hà Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông Phạm Văn Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông Lê Huy Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Bà Trịnh Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông Trần Đại Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông Mai Văn Phòng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31/05/2010
Ông Nguyễn Văn Út	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/10/2010

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Vũ Văn Tiêu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Bà Lương Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông Lê Tỳ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/05/2010
Ông Trần Quang Lược	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010
Bà Hồ Thị Kim Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/05/2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2011

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Viên Ngọc Bảo

Số : 448/2011/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được lập ngày 20 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng Giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Nguyễn Trung Thành
Chứng chỉ KTV số: 1312/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn		979,603,622,687	762,789,082,728
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	61,352,402,559	87,694,931,016
111	1. Tiền		21,352,402,559	87,694,931,016
112	2. Các khoản tương đương tiền		40,000,000,000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	6,200,000,000	7,800,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6,200,000,000	7,800,000,000
130	III. Các khoản phải thu		96,569,738,778	95,262,423,332
131	1. Phải thu của khách hàng		48,680,057,536	61,756,659,442
132	2. Trả trước cho người bán		39,646,431,938	16,368,956,250
135	5. Các khoản phải thu khác	05	8,279,661,758	17,183,370,094
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(36,412,454)	(46,562,454)
140	IV. Hàng tồn kho	06	796,667,022,439	558,494,683,298
141	1. Hàng tồn kho		796,667,022,439	558,494,683,298
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18,814,458,911	13,537,045,082
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3,684,834,618	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	07	15,129,624,293	13,537,045,082
200	B. Tài sản dài hạn		117,798,075,597	154,338,863,461
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		12,554,358,175	15,273,817,456
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	10,744,018,707	13,812,389,106
222	- Nguyên giá		23,923,131,673	24,162,898,033
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(13,179,112,966)	(10,350,508,927)
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	1,810,339,468	1,461,428,350
228	- Nguyên giá		1,974,572,800	1,563,803,600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(164,233,332)	(102,375,250)
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		92,683,462,707	120,947,179,932
251	1. Đầu tư vào công ty con	10	29,730,651,586	33,288,604,611
258	3. Đầu tư dài hạn khác	11	63,584,335,321	88,158,575,321
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	12	(631,524,200)	(500,000,000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		12,560,254,715	18,117,866,073
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	12,560,254,715	18,117,866,073
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,097,401,698,284	917,127,946,189

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả		837,242,470,881	690,267,820,691
310	I. Nợ ngắn hạn		586,691,424,557	590,422,932,959
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	202,864,358,153	167,664,082,597
312	2. Phải trả cho người bán		48,292,231,682	59,674,166,388
313	3. Người mua trả tiền trước		172,898,598,919	267,045,556,490
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13,595,014,805	37,309,363,612
315	5. Phải trả người lao động		1,668,694,704	1,558,268,391
316	6. Chi phí phải trả	16	72,670,471,635	17,676,236,545
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	72,957,739,624	38,605,586,495
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1,744,315,035	889,672,441
330	II. Nợ dài hạn		250,551,046,324	99,844,887,732
333	3. Phải trả dài hạn khác	18	-	24,000,000,000
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	250,000,000,000	72,732,807,200
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		455,159,463	510,474,944
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		95,886,861	2,601,605,588
400	B. Vốn chủ sở hữu		260,159,227,403	226,860,125,498
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	260,159,227,403	226,860,125,498
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		176,997,920,000	150,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		36,870,650,000	36,870,650,000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(8,924,272)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5,047,061,029	10,374,804,695
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4,311,732,118	2,639,475,784
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36,931,864,256	26,984,119,291
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,097,401,698,284	917,127,946,189

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
4. Nợ khó đòi đã xử lý		403,531,033	403,531,033
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1,642.88	35,619.58

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	780,786,651,816	497,885,922,020
02	2. Các khoản giảm trừ	22	1,194,437,234	715,065,882
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	779,592,214,582	497,170,856,138
11	4. Giá vốn hàng bán	24	691,442,544,095	456,188,641,062
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		88,149,670,487	40,982,215,076
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	11,825,044,214	21,906,062,602
22	7. Chi phí tài chính	26	15,438,736,597	7,597,742,401
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		15,214,606,020	8,099,406,401
24	8. Chi phí bán hàng	27	852,656,949	357,726,813
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	19,240,435,283	15,827,953,593
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		64,442,885,872	39,104,854,871
31	11. Thu nhập khác	29	2,046,955,786	1,258,539,366
32	12. Chi phí khác	30	1,248,873,299	5,983,869,252
40	13. Lợi nhuận khác		798,082,487	(4,725,329,886)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65,240,968,359	34,379,524,985
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	15,466,857,285	7,939,192,180
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		49,774,111,074	26,440,332,805

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		777,794,961,333	677,229,503,615
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(900,704,403,630)	(480,198,202,977)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(65,864,542,983)	(63,917,877,692)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(28,435,969,510)	(31,171,866,410)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(10,198,980,455)	(9,879,341,024)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17,523,787,717	86,512,681,052
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(63,573,502,893)	(113,834,115,510)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(273,458,650,421)	64,740,781,054
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(171,002,840)	(2,616,480,462)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		186,000,000	24,199,999
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(173,600,000,000)	(103,800,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		175,200,000,000	96,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(450,500,000)	(2,680,000,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25,970,200,000	20,842,400,000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8,882,440,141	9,770,681,310
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		36,017,137,301	17,540,800,847
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		636,201,429,097	301,421,767,617
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(423,733,960,741)	(310,052,217,061)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1,544,335,000)	(15,755,302,671)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		210,923,133,356	(24,385,752,115)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(26,518,379,764)	57,895,829,786
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		87,694,931,016	29,751,757,022
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8,183,775)	47,344,208
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		61,168,367,477	87,694,931,016

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty Đầu tư và Phát triển Xây dựng - thuộc Tổng công ty Xây dựng Hà Nội theo quyết định số 2077/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103003118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 23 tháng 04 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 201 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng

Công ty có các đơn vị trực thuộc:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Xây dựng số 2	84 Trần Quốc Toản, quận 3, TP HCM
2	Xí nghiệp Xây dựng số 4	155 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP HCM
3	Xí nghiệp Xây dựng số 5	75/46B Lê Văn Lương, Q.7, TP.HCM
4	Xí nghiệp Xây dựng số 6	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP HCM
5	Xí nghiệp Xây dựng số 9	129/18 Lý Thường Kiệt, quận Tân Bình, TP HCM
6	Xí nghiệp Xây lắp Cơ điện	232/5 Cao Thắng, phường 12, quận 10, TP HCM
7	Xí nghiệp Thi công Cơ giới	89 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP HCM

Đến thời điểm 31/12/2010 Công ty có các công ty con:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích(*)	Quyền biểu quyết (*)
1	Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng	201 Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	25%	(**)
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO	12 Hồ Xuân Hương, phường 14, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	54%	54%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	19 Đường 783A Tạ Quang Bửu, phường 4, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	82%	68%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1	P207 -B3A, Làng QT Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, HN	30%	(***)
5	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	1047 Trần Hưng Đạo, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	51%	(****)

(*) Tỷ lệ lợi ích xác định theo tỷ lệ vốn thực góp tại 31/12/2010, quyền biểu quyết xác định theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(**) Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty TNHH 01 thành viên Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng theo Quyết định số 102/QĐ-HĐQT ngày 17/04/2010, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/05/2010. Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng là Công ty mẹ có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con

(***) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(****) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị các công trình cấp thoát nước, hệ thống điều hòa nhiệt độ và các loại thang máy;
- Tư vấn đầu tư, quản lý dự án, tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng, quy hoạch xây dựng và thiết kế quy hoạch chi tiết, khảo sát đo đạc địa hình;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình thủy điện; kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, các công trình thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí, môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản, khoan khai thác nước ngầm, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2010 Hội đồng cổ đông công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ công ty từ 150.000.000.000 đồng lên 222.000.000.000 đồng bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu năm 2010.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2010-2015/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 06 năm 2010, Hội đồng Quản trị công ty đã Quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu theo đó, Vốn điều lệ sau khi phát hành là 177.000.000.000 đồng tăng thêm 27.000.000.000 đồng tương ứng 2.700.000 cổ phần trong đó:

+ Phát hành cổ phiếu thưởng là 1.500.000 cổ phiếu tương ứng 15.000.000.000 đồng, lấy từ Quỹ đầu tư phát triển 7.000.000.000 đồng và lợi nhuận chưa phân phối 8.000.000.000 đồng

+ Trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu là 1.200.000 cổ phiếu tương ứng 12.000.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2009.

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu của công ty số 02/2010/BC-HĐQT ngày 28/06/2010 thì tổng số cổ phiếu đã phát hành là 2.699.792 cổ phiếu chiếm 99,99% tổng số cổ phiếu được phát hành trong đó:

- + Phát hành cổ phiếu bằng chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 : 1.199.890 cổ phiếu
- + Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu : 1.499.902 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành là: 17.699.792 cổ phiếu tương ứng với vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2010 là: 176.997.920.000 đồng.

Ngày 20 tháng 07 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 05/2010-2015/NQ-HĐQT về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ, số lượng phát hành là 200.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/1 trái phiếu.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án, công trình được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Riêng đối với doanh thu chuyển nhượng một phần dự án Khu nhà ở Hưng Phú trên diện tích khu đất 92.851,6 m² tại Phường Tam Bình - Tam Phú - Quận Thủ Đức được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trong tiến độ chuyển giao dự án.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện được khách hàng xác nhận đến thời thời điểm cuối kỳ và được phản ánh trên hóa đơn tài chính.

2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.16. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự trữ 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ.

Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ đầu tư phát triển không thấp hơn 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi loại tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm.

Quỹ phúc lợi được trích lập theo đề nghị của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho từng năm

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

2.17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1,443,253,144	3,074,183,811
Tiền gửi ngân hàng	19,909,149,415	84,620,747,205
Các khoản tương đương tiền	40,000,000,000	-
Cộng	61,352,402,559	87,694,931,016
4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6,200,000,000	7,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	800,000,000
Cộng	6,200,000,000	7,800,000,000
5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu Viên Ngọc Ban (XN cơ điện) _ Công trình NM nhiệt điện Phú Mỹ	3,130,896,752	6,130,896,752
Phải thu Nguyễn Trọng Phúc (XN cơ điện) _ Công trình NM nhiệt điện Phú Mỹ	2,261,588,870	5,261,588,870
Phải thu Nguyễn Ngọc Bảo về tiền ứng thi công công trình	-	448,483,360
Phải thu Nguyễn Xuân Nguyên _ tiền ứng thi công công trình	-	400,000,000
Phải thu Nguyễn Văn Tĩnh _ tiền ứng thi công công trình	-	183,618,392
Phải thu Hoàng Văn Quế (XN 4) _ tiền ứng thi công công trình	155,144,000	155,144,000
Phải thu ông Trần Quang Lược (XN 4) _ tiền ứng thi công công trình	314,946,346	314,946,346
Phải thu Trần Đình Hoàng (VP Cty)_ tiền thuế VAT	-	162,435,216
Phải thu tiền thuế VAT của Đội xây dựng số 1 (XN 9)	-	231,848,315
Công ty CP ĐT & XDCN Invecoin - Tiền khấu hao tài sản	941,369,491	485,604,392
Công ty CP ĐT & PT XD HN 1 - phí quản lý, kinh phí công đoàn....	-	3,046,200,319
Công ty CP ĐT XD Địa Long - Phí bảo lãnh hộ các công trình	80,404,500	189,354,266
Công ty CP ĐT & CNXD Inveco - Phí bảo lãnh, tiền thuê nhà, khác ...	61,953,000	114,786,671
Công ty CP Đầu tư Tư vấn thiết kế xây dựng - tiền thuê nhà, KPCĐ	428,403,645	-
Phải thu thuế TNCN, BHXH	105,457,756	-
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	502,476,111	-
Phải thu khác	297,021,287	58,463,195
Cộng	8,279,661,758	17,183,370,094

6 . HÀNG TỒN KHO	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	795,859,244,839	557,686,905,698
<i>Các dự án</i>	507,496,082,783	371,580,570,882
<i>Các công trình xây lắp</i>	288,363,162,056	186,106,334,816
Thành phẩm	807,777,600	807,777,600
<i>Nhà 590 Nguyễn Kiệm</i>	807,777,600	807,777,600
Cộng giá gốc hàng tồn kho	796,667,022,439	558,494,683,298
(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án	507,496,082,783	371,580,570,882
<i>Dự án Đồng Điều Phường 4, Quận 8</i>	7,404,769,191	7,404,769,191
<i>Dự án Investco Babylon - 22 Âu Cơ</i>	157,183,901,763	126,609,938,387
<i>Dự án Cần Giờ 1</i>	8,185,779,265	8,185,779,265
<i>Dự án Cần Giờ 2</i>	12,575,315,405	12,575,315,405
<i>Dự án Hưng Long 1</i>	290,818,080,093	127,694,177,815
<i>Dự án Hưng Long 2</i>	4,600,503,114	4,600,503,114
<i>Dự án Chung cư Hồng Tân</i>	418,504,546	-
<i>Dự án Nhà máy gạch Đức Hòa - Long An</i>	4,062,884,373	4,062,884,373
<i>Dự án Hưng phú - Tam Bình - Thủ Đức</i>	22,246,345,033	80,447,203,332
Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp	288,363,162,056	186,106,334,816
<i>Công trình Căn hộ Estella</i>	64,690,685,912	-
<i>Công trình Bệnh viện Đại Học Y Dược</i>	57,130,258,587	58,032,081,935
<i>Công trình Trường ĐH Tôn Đức Thắng</i>	17,008,477,693	-
<i>Công trình Ký túc xá Trường ĐH Tôn Đức Thắng</i>	2,856,329,126	-
<i>Công trình Xây dựng Trụ sở Viện kiểm sát Nhân dân TPHCM</i>	9,458,668,074	6,150,113,084
<i>Công trình Bệnh viện Đa Khoa Cần Thơ</i>	-	4,053,900,622
<i>Công trình thi công Lô A, B Khu An phú, An Khánh</i>	50,067,691,283	55,527,310,508
<i>Công trình Cải tạo nâng cấp Bệnh viện Thống Nhất</i>	19,965,187,268	15,450,623,513
<i>Công trình Y Nha - ĐH Y Dược</i>	25,407,564,021	14,375,425,869
<i>Công trình Đường dẫn vào Cầu Phú Mỹ</i>	10,502,419,758	8,344,000,000
<i>Công trình Căn hộ cao cấp số 155 Nguyễn Chí Thanh</i>	5,588,559,288	4,220,216,773
<i>Công trình LAO/HIV/AIDS</i>	8,524,240,602	8,241,054,587
<i>Các công trình khác</i>	17,163,080,444	11,711,607,925
Cộng	795,859,244,839	557,686,905,698
7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tạm ứng	6,648,393,765	8,168,950,408
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8,481,230,528	5,368,094,674
Cộng	15,129,624,293	13,537,045,082

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	2,394,109,685	10,509,324,883	8,677,645,135	2,581,818,330	24,162,898,033
Tăng trong năm	-	1,247,002,320	6,064,604,268	418,214,454	7,729,821,042
- Mua sắm		1,247,002,320	638,451,818	418,214,454	2,303,668,592
- Tăng khác			5,426,152,450		5,426,152,450
Giảm trong năm	-	5,821,952,973	1,123,094,500	1,024,539,929	7,969,587,402
- Thanh lý, nhượng bán		631,877,617	1,123,094,500	788,462,835	2,543,434,952
- Giảm khác		5,190,075,356		236,077,094	5,426,152,450
Số cuối năm	2,394,109,685	5,934,374,230	13,619,154,903	1,975,492,855	23,923,131,673
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	1,051,820,791	1,897,260,027	5,051,137,169	2,350,290,940	10,350,508,927
Tăng trong năm	127,694,628	1,176,065,119	4,392,585,767	238,766,213	5,935,111,727
- Trích khấu hao TSCĐ	127,694,628	1,176,065,119	3,621,240,338	238,766,213	5,163,766,298
- Tăng khác		-	771,345,429		771,345,429
Giảm trong năm	-	784,937,043	1,123,094,500	1,198,476,145	3,106,507,688
- Thanh lý, nhượng bán		433,435,050	1,123,094,500	778,632,710	2,335,162,260
- Giảm khác		351,501,993		419,843,435	771,345,428
Số cuối năm	1,179,515,419	2,288,388,103	8,320,628,436	1,390,581,008	13,179,112,966
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,342,288,894	8,612,064,856	3,626,507,966	231,527,390	13,812,389,106
Số cuối năm	1,214,594,266	3,645,986,127	5,298,526,467	584,911,847	10,744,018,707

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	1,445,945,600	-	-	117,858,000	1,563,803,600
Tăng trong năm	-	-	-	506,769,200	506,769,200
- Mua sắm				506,769,200	506,769,200
Giảm trong năm	-	-	-	96,000,000	96,000,000
- Thanh lý, nhượng bán				96,000,000	96,000,000
Số cuối năm	1,445,945,600	-	-	528,627,200	1,974,572,800
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	102,375,250	102,375,250
Tăng trong năm	-	-	-	157,858,082	157,858,082
- Trích khấu hao TSCĐ				157,858,082	157,858,082
Giảm trong năm	-	-	-	96,000,000	96,000,000
- Thanh lý, nhượng bán				96,000,000	96,000,000
Số cuối năm	-	-	-	164,233,332	164,233,332
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,445,945,600	-	-	15,482,750	1,461,428,350
Số cuối năm	1,445,945,600	-	-	364,393,868	1,810,339,468

10 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Thiết kế Xây dựng			-	5,000,000,000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng (*)	144,204	-	1,442,041,586	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng Hà Nội 1 (**)	750,000	750,000	7,500,000,000	7,500,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO	540,000	540,000	5,400,000,000	5,400,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	1,200,331	1,200,330	12,003,310,000	12,003,304,611
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long (**)	338,530	338,530	3,385,300,000	3,385,300,000
Cộng			29,730,651,586	33,288,604,611

(*) Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty TNHH 01 thành viên Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng theo QĐ số 102/QĐ-HĐQT ngày 17/04/2010, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/05/2010. Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng là Công ty mẹ có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(**) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là Công ty mẹ có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 31/12/2010

Tên công ty con	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2010	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Thiết kế Xây dựng	25%	(*)	Đầu tư, thiết kế xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng Hà Nội 1	30%	(**)	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Xây dựng IN VE CO	54%	54%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp IN VE CO IN	82%	68%	Đầu tư xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	51%	(***)	Đầu tư xây dựng

(*) Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng được chuyển đổi từ Công ty TNHH 01 thành viên Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng theo Quyết định số 102/QĐ-HDQT ngày 17/04/2010, Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/05/2010. Theo Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng là Công ty mẹ có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(**) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Hà Nội 1, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

(***) Theo Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng được coi là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Địa Long, có quyền trực tiếp bổ nhiệm đa số thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty con.

11 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
<i>Cổ phiếu</i>			54,837,598,680	56,452,838,680
Cổ phiếu Cty CP ĐHTT Kỹ thuật TPHCM (1)	32,598	21,732	944,414,000	944,414,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình (1)	2,647,599	2,406,908	25,094,221,000	25,094,221,000
Cổ phiếu Công ty CP Bê tông Hải Âu	100,000	100,000	1,000,000,000	1,000,000,000
Cổ phiếu Cty CP Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	47,900	47,900	957,003,680	957,003,680
Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Mai Linh	750,000	750,000	8,250,000,000	8,250,000,000
Cổ phiếu Cty CP Cơ khí CT Cấp nước (2)	33,746	25,200	362,660,000	277,200,000
Cổ phiếu Cty CP ĐT HT Đô thị Dầu khí (3)	1,157,180	1,453,000	11,571,800,000	14,530,000,000
Cổ phiếu Công ty CP Thủy Thiên	200,000	200,000	2,400,000,000	2,400,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (4)	142,458	100,000	3,257,500,000	3,000,000,000
Cổ phiếu Công ty CP VL Xây dựng Investco	10,000	-	1,000,000,000	-
<i>Trái phiếu</i>			40,000,000	40,000,000
Trái phiếu Chính phủ (Mệnh giá 40.000.000 đồng)			40,000,000	40,000,000

Góp vốn hợp tác kinh doanh	31/12/2010	8,706,736,641	31,665,736,641
	Tỷ lệ		
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ (góp vốn theo tiến độ) (5)		398,736,641	23,410,736,641
Công ty CP Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam		-	140,000,000
Công ty CP Du lịch Mê Kông Mỹ Tho	5%	2,500,000,000	2,500,000,000
Công ty CP BOO Đồng Tâm	1,2%	3,808,000,000	3,615,000,000
Dự án 360 Giải Phóng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	28%	2,000,000,000	2,000,000,000
Cộng		63,584,335,321	88,158,575,321

(1) Số lượng cổ phiếu tăng do được chia thưởng bằng cổ phiếu.

(2) Số lượng cổ phiếu tăng 8.546 do mua thêm theo tỷ lệ cổ phiếu hiện hữu.

(3) Số lượng cổ phần giảm là do công ty đã bán 295.820 CP trong năm 2010

(4) Số lượng cổ phần tăng do được chia thưởng bằng cổ phiếu 11.708 năm 2010 và Công ty mua thêm 25.750 CP.

(5) Giá trị đầu tư giảm trong năm là do Công ty cần trừ tiền vay với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Danh thế chấp bằng giá trị đầu tư 230.012 cổ phiếu (Mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu) của Công ty PMC (Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ) tương ứng 23.012.000.000 đồng theo hợp đồng vay vốn số 08/HĐ-VV ngày 18 tháng 09 năm 2009.

12 . DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tên chứng khoán	Số lượng Cổ phần	Giá trị theo giá thị trường (*)	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (mã MB	142,458	2,625,975,800	3,257,500,000	(631,524,200)
Cộng				(631,524,200)

(*) Công ty xác định giá trị thị trường để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu MB là 18.433 đồng/cổ phần theo giá trung bình ngày 31/12/2010 được cung cấp trên trang web của 3 công ty là: Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh, Công ty cổ phần OTC Việt Nam và trang Stocknews.vn của Công ty Cổ phần Truyền thông Quốc tế INCOM.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tại xí nghiệp	2,871,361,232	3,528,236,413
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	2,871,361,232	3,528,236,413
Văn phòng công ty	9,688,893,483	14,589,629,660
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	9,688,893,483	14,469,948,041
<i>Chi phí sửa chữa chờ phân bổ</i>	-	65,024,230
<i>Chi phí trả trước dài hạn khác</i>	-	54,657,389
Cộng	12,560,254,715	18,117,866,073

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	202,832,458,153	151,153,185,957
<i>Vay ngân hàng</i>	170,185,702,885	106,201,183,189
<i>Vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Danh</i>	-	23,012,000,000
<i>Vay Tổng công ty Xây dựng Hà Nội</i>	16,000,000,000	-
<i>Vay cá nhân</i>	16,646,755,268	21,940,002,768
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	31,900,000	16,510,896,640
Cộng	202,864,358,153	167,664,082,597

(*) Thông tin bổ sung

Số hợp đồng	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
1600-LDS-200900565 ngày 29/06/2010	NH NN&PTNT CN Sài Gòn	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	44,375,575,864	Tài sản
1600-LAV-200900701 Ngày 14/12/2009	NH NN&PTNT Chi nhánh 3	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	13,868,161,079	Tài sản
0583/09/TD ngày 10/09/2009	NH TMCP An Bình	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	39,550,906,433	Tài sản
236/2009/TD-NHQĐ-HCM ngày 15/06/2009	NH TMCP Quân đội	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	3,057,722,844	Tài sản
277/2010/TD-NHQĐ-HCM ngày 27/07/2010	NH TMCP Quân đội	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	14,885,461,678	Tài sản
196/2010/TD-NHQĐ-HCM ngày 30/06/2010	NH TMCP Quân đội	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	16,012,253,830	Tài sản
292/2010/TD-NHQĐ-HCM ngày 05/08/2010	NH TMCP Quân đội	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	7,777,482,708	Tài sản
490/2010/TD-NHQĐ-HCM ngày 28/12/2010	NH TMCP Quân đội	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	8,994,761,016	Tài sản
24/2010/93875 ngày 02/07/2010	NH ĐT &PT Việt nam	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	2,577,597,349	Tài sản
020-0001661/HDHM/SHB HCM ngày 10/09/2009	NH TMCP Sài Gòn - Hà	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	19,085,780,084	Tài sản
01.2010/Hancorp-investco	Tổng Công ty XD Hà Nội	13.5%	3 tháng	16,000,000,000	Tín chấp
Vay cá nhân tại Văn phòng công ty				13,984,055,268	Tín chấp
Vay cá nhân tại Xí nghiệp 2				1,700,000,000	Tín chấp
Vay cá nhân tại Xí nghiệp cơ điện				962,700,000	Tín chấp
Cộng				202,832,458,153	

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	22,087,244,137
Thuế TNDN	13,207,069,010	7,939,192,180
Thuế thu nhập cá nhân	383,755,650	143,852,377
Các loại thuế khác	4,190,145	-
Các khoản phải nộp khác	-	7,139,074,918
Cộng	13,595,014,805	37,309,363,612

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí thuộc Dự án Đồng Điều Phường 4, Q.8	11,533,131,971	15,664,441,737
Trích trước chi phí thuộc Công trình Cao ốc TT giao dịch TMQT	-	602,298,845
Trích trước chi phí thuộc Công trình Nhà thi đấu TDTT Phú Thọ	766,960,163	766,960,163
Trích trước chi phí dự án Tam Bình Thủ Đức	46,928,380,501	-
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	12,000,000,000	-
Trích trước lãi vay phải trả	1,371,999,000	595,035,800
Trích trước chi phí khác	70,000,000	47,500,000
Cộng	72,670,471,635	17,676,236,545

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1,168,771,041	1,298,453,786
Bảo hiểm xã hội	-	31,342,610
Phải trả Tổng công ty Xây dựng Hà Nội (*)	18,956,491,737	21,166,882,252
Phải trả Công ty Địa Long cho vay không tính lãi	11,630,000,000	-
Phải trả tiền đền bù, giải toả mặt bằng	1,558,500,000	1,558,500,000
Phải trả cho Nguyễn Thanh Bình - XN 9	564,886,234	-
Phải trả các đội thi công	36,548,832,705	6,677,553,189
Phải trả cổ đông tiền cổ tức	-	165,384,200
Phải trả cho Cty Investco 1 Hà Nội	438,900,368	-
Vay không tính lãi của các cá nhân	1,059,477,145	2,809,477,145
Phải trả Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng về vốn góp	-	3,837,242,155
Các khoản phải trả phải nộp khác	1,031,880,394	1,060,751,158
Cộng	72,957,739,624	38,605,586,495

(*) Chi tiết phải trả Tổng công ty Xây dựng Hà Nội

Lãi vay các khế ước	11,031,958,499	11,031,958,499
Hỗ trợ vốn làm trạm trộn bê tông	-	1,830,260,394
Tạm ứng công trình An Phú An Khánh	3,364,805,000	4,500,000,000
Hỗ trợ vốn mua xe bơm bê tông	1,275,994,089	1,275,994,089
Hỗ trợ vốn mua xe chuyên trộn	1,483,311,206	1,483,311,206
Khấu hao tài sản cố định	90,703,743	1,045,358,064
Cổ tức phải trả	1,709,719,200	-

18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII) (*)	-	24,000,000,000
Cộng	-	24,000,000,000

(*) Tiền nhận góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư Dự án Khu cao ốc thương mại và chung cư cao cấp Âu Cơ Plaza theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2007/HĐHTĐT-CII ngày 22/01/2007, Phụ lục hợp đồng ngày 16/02/2007 và Phụ lục hợp đồng số 68/2009/PLHĐKT-CII ngày 30/06/2009

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	250,000,000,000	72,732,807,200
Vay ngân hàng (*)	-	22,732,807,200
Trái phiếu phát hành	250,000,000,000	50,000,000,000
<i>Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội (**)</i>	<i>200,000,000,000</i>	-
<i>Công ty CP Đầu tư hạ tầng TP HCM</i>	<i>50,000,000,000</i>	<i>50,000,000,000</i>
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	250,000,000,000	72,732,807,200

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
055/2008/NHQĐ- HCM/HĐTDDH Ngân hàng TMCP Quân đội	17,4%/năm	36 tháng	31,900,000	31,900,000	Tài sản
Cộng			31,900,000	31,900,000	

(**) Số lượng 200.000 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000 đồng/1 Trái phiếu được phát hành riêng lẻ với tổng trị giá 200.000.000.000 đồng. Nhà đầu tư là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội đã mua toàn bộ số lượng trái phiếu này theo hợp đồng mua bán Trái phiếu số 01/2010/HĐMBTP/INVESTCO ngày 16 tháng 08 năm 2010 với lãi suất thả nổi, được xác định bằng 15%/năm cho kỳ hạn 6 tháng đầu tiên và từ kỳ hạn 6 tháng thứ hai trở đi tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn mười hai (12) tháng trả sau (trong trường hợp ngân hàng không công bố lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn mười hai (12) tháng trả sau thì sử dụng lãi suất loại hình huy động tiền gửi khác có kỳ hạn tương đương) ("Lãi suất tham chiếu") công bố tại Sở giao dịch của năm ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt nam (Sở Giao dịch 2), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 2), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Quân Đội ("Ngân hàng Tham chiếu") vào Ngày xác định lãi suất hàng năm, cộng với lãi biên 3,8%/năm.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

In trang ngang

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (xem phụ lục 01)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	%	%	VND	VND
Vốn góp của Tổng công ty Xây dựng Hà Nội	19.00%	19.00%	33,624,470,000	28,495,320,000
Vốn góp của cổ đông khác	81.00%	81.00%	143,373,450,000	121,504,680,000
Cộng	100%	100%	176,997,920,000	150,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	150,000,000,000	150,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	26,997,920,000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	176,997,920,000	150,000,000,000
- Cổ tức năm 2008 đã chia	-	6,000,000,000
- Cổ tức năm 2009 đã chia bằng tiền	9,000,000,000	-
- Cổ tức đợt 2 năm 2009 đã chia bằng cổ phiếu	11,997,920,000	-
- Cổ phiếu thưởng đã chia từ cổ tức năm 2009	8,000,000,000	-

d. Cổ phiếu	31/12/2010	31/12/2009
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17,699,792	15,000,000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	17,699,792	15,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17,699,792	15,000,000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17,699,792	15,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17,699,792	15,000,000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10,000	10,000

e. Phân phối lợi nhuận	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	26,984,119,291	9,387,691,372
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	49,774,111,074	26,440,332,805
Tiền phạt vi phạm chi từ lợi nhuận sau thuế	-	(750,000)
Tăng thuế TNDN phải nộp theo quyết định số 7314/QĐ-CT	-	(382,280,340)
Trả cổ tức năm 2008	-	(6,000,000,000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2009	(1,606,624,098)	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2009	(1,606,624,098)	-
Trả cổ tức năm 2009 và thưởng bằng cổ phiếu	(19,997,920,000)	-
Trả cổ tức năm 2009 bằng tiền	(9,000,000,000)	-
Quỹ Thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2009	(500,000,000)	-
Lợi nhuận trả cho Công ty TNHH Acset Indonusa từ LN năm 2009 (***)	-	(2,432,962,088)
Lợi nhuận trả cho Công ty TNHH Acset Indonusa từ LN năm 2010 (***)	(4,865,924,176)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2009	(2,249,273,737)	-
Giảm khác	-	(27,912,458)
Cộng	36,931,864,256	26,984,119,291

Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 06/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 05 năm 2010

(***) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả Công ty TNHH Aset Indonusa (Việt Nam) theo Hợp đồng chi tiết phân chia trách nhiệm và lợi nhuận trong liên doanh ký kết ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Dự án phát triển nhà ở Estella - Giai đoạn 1

21 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	626,938,997,272	450,002,448,573
Doanh thu kinh doanh bất động sản (*)	152,640,000,000	47,745,231,629
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	247,200,000	18,241,818
Doanh thu môi giới bất động sản	960,454,544	-
Doanh thu khác	-	120,000,000
Cộng	<u>780,786,651,816</u>	<u>497,885,922,020</u>

(*) Thông tin bổ sung:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng cùng các bên gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Công ty Cổ phần BSC Việt Nam đã tiến hành định giá dự án khu nhà ở Hưng Phú trên diện tích khu đất 92.851,6 m² tại Phường Tam Bình - Tam Phú Quận Thủ Đức, TP.HCM với giá trị là 212.000.000.000 đồng hiện do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng làm chủ đầu tư để chuyển nhượng lại một phần dự án cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và công ty cổ phần BSC Việt Nam dưới hình thức góp vốn thành lập công ty cổ phần để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh Khu nhà ở Investco Residence - Hưng Phú, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng chuyển nhượng lại 79% giá trị dự án tương ứng 167.480.000.000 đồng cho Ngân hàng TM CP Đại Dương và 11% giá trị dự án tương ứng 23.320.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần BSC Việt Nam, Công ty giữ lại 10% tương ứng 21.200.000.000 đồng làm phần vốn góp tuy nhiên công ty Cổ phần này chưa được thành lập. Doanh thu kinh doanh bất động sản ghi nhận theo tiến độ thực hiện chuyển giao dự án đến thời điểm 31/12/2010.

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1,194,437,234	715,065,882
Cộng	<u>1,194,437,234</u>	<u>715,065,882</u>

23 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	625,744,560,038	449,287,382,691
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	152,640,000,000	47,745,231,629
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	247,200,000	18,241,818
Doanh thu thuần từ hoạt động môi giới bất động sản	960,454,544	-
Doanh thu khác	-	120,000,000
Cộng	<u>779,592,214,582</u>	<u>497,170,856,138</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của sản phẩm xây lắp	584,187,697,491	437,805,149,409
Giá vốn kinh doanh bất động sản	106,358,851,505	18,365,249,835
Giá vốn dịch vụ tư vấn thiết kế	131,748,236	18,241,818
Giá vốn môi giới bất động sản	764,246,863	-
Cộng	<u>691,442,544,095</u>	<u>456,188,641,062</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,314,117,990	1,247,145,385
Bán cổ phiếu	2,434,036,000	11,511,130,000
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	4,070,798,262	8,375,279,925
Lãi trái phiếu	-	148,256,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	6,091,962	419,068,652
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	205,182,640
Cộng	<u>11,825,044,214</u>	<u>21,906,062,602</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15,214,606,020	8,099,406,401
Chênh lệch tỷ giá	83,780,955	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	131,524,200	500,000,000
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(1,001,664,000)
Chi phí tài chính khác	8,825,422	-
Cộng	<u>15,438,736,597</u>	<u>7,597,742,401</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí bảo hành công trình	358,879,818	106,034,015
Chi phí khác bằng tiền	493,777,131	251,692,798
Cộng	852,656,949	357,726,813

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	408,280,971	881,834,414
Chi phí nhân công	10,336,106,920	7,786,787,395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	826,676,722	594,969,213
Thuế, phí, lệ phí	28,896,818	10,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,926,168,593	3,035,927,845
Chi phí khác bằng tiền	2,714,305,259	3,518,434,726
Cộng	19,240,435,283	15,827,953,593

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập từ bán phế liệu	324,079,881	24,199,999
Thu nhập từ cho thuê văn phòng, sử dụng điện nước	676,363,638	589,090,908
Thu tiền thanh lý tài sản, vật tư, CCDC	169,090,909	410,136,808
Thu nhập khác	877,421,358	235,111,651
Cộng	2,046,955,786	1,258,539,366

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	37,045,910
Lãi chậm nộp thuế	613,542,541	5,692,149,158
Chi phí khác	635,330,758	254,674,184
Cộng	1,248,873,299	5,983,869,252

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	65,240,968,359	34,379,524,985
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>697,259,041</i>	<i>5,752,523,658</i>
Chi phí không hợp lý hợp lệ	697,259,041	5,752,523,658
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>4,070,798,262</i>	<i>8,375,279,925</i>
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế nhận được từ các hoạt động đã chịu thuế TNDN	4,070,798,262	8,375,279,925
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	61,867,429,138	31,756,768,718
<i>Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>46,281,148,495</i>	<i>29,379,981,794</i>
<i>Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>15,586,280,643</i>	<i>2,376,786,924</i>
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	11,570,287,124	7,344,995,449
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	3,896,570,161	594,196,731
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	15,466,857,285	7,939,192,180

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

33 . THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Kỳ này (VND)
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng	Công ty con	Tư vấn thiết kế, lập dự án	2,562,760,909
		Cho thuê nhà 201 Võ Thị Sáu	567,272,727
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	Công ty con	Chi phí thi công công trình Chia cổ tức	37,041,479,958 48,958,800
Công ty CP ĐT&XD CN IN VE CO IN	Công ty con	Khấu hao TSCĐ	3,410,116,417
		Thuê thiết bị, CCDC	11,571,127,260
		Công trình Bệnh viện ĐH Y Dược	1,254,566,443
		Công trình ĐH Tôn Đức Thắng	3,631,413,190
Cty CP ĐT& Công nghệ XD IN VE CO	Công ty con	Công trình Estella	6,685,147,627
		Chi phí thi công công trình	26,897,611,329
		CP Khoan cọc nhồi CC Hồng Tân	250,000,000
		Chi phí thi công nhà mẫu	1,226,659,672
		Cho thuê văn phòng	109,090,908

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây Dựng 1 Hà Nội	Công ty con	Thi công công trình Cổ tức năm 2009 Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng Tạm ứng thi công	50,476,010,849 975,000,000 12,750,000 3,000,000,000
--	-------------	--	--

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư phải thu, phải trả
Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế Xây dựng	Công ty con	Góp vốn Cho thuê nhà 201 Võ Thị Sáu Kinh phí công đoàn phải thu Tiền lãi Các khoản khác Thiết kế lập dự toán	- 405,403,645 23,000,000 18,004,144 186,576,712 (214,975,000)
Công ty CP ĐT&XD CN IN VE CO IN	Công ty con	Thuê Thiết bị, CCDC <i>Công trình Estella</i> <i>Công trình ĐH Tôn Đức Thắng</i> <i>XN số 5</i> <i>Công trình ĐH Y Dược</i> Khấu hao TSCĐ	(2,185,359,176) <i>(1,203,900,671)</i> <i>(1,745,193,039)</i> <i>(124,323,930)</i> <i>(100,506,328)</i> 941,369,491
CTy CP ĐT& Công nghệ XD IN VE CO	Công ty con	Thi công xây lắp <i>CT Comeco phần ngầm</i> <i>CT Comeco phần thân C</i> <i>VP PMC 28-30 Lam Sơn</i> <i>ESTELLA Blook B1</i> <i>CT ESTELLA Hồ bơi và Club house</i> <i>CT PIJICO</i> <i>Dự án CC 22 Âu Cơ</i> Khoan cọc nhồi <i>CT KCN FOSCO</i> <i>Chung cư Hồng Tân</i> Thuê văn phòng	(1,280,411,975) (276,391,221) (7,031,364,403) (331,471,710) (1,029,342,704) 1,237,300,000 6,566,000,000 (415,141,937) 138,934,811 1,434,811 137,500,000 60,000,000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây Dựng 1 Hà Nội	Công ty con	Thi công công trình Ứng trước tiền thi công Phí quản lý Kinh phí công đoàn phải thu Ứng tiền Các khoản khác	(12,523,545,679) 567,620,120 20,940,777 160,000,000 (1,000,000,000) 380,158,855
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Địa Long	Công ty con	Xây lắp các công trình <i>CT Xây lắp Nha Khoa Y Nha</i> <i>CT 155 Nguyễn Chí Thanh</i> Kinh phí công đoàn phải thu Khác	6,577,583,169 <i>(7,101,998,198)</i> <i>13,679,581,367</i> 28,000,000 (52,204,500)

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Do tiền lãi chậm nộp thuế phát sinh theo thông báo thuế phải nộp theo thông báo nợ thuế số 7159/CT-QLN-TB ngày 24 tháng 07 năm 2008 và thông báo nợ thuế số 4490/CT-QLN-TB ngày 29 tháng 12 năm 2009 ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2010 do đó Công ty đã điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2008 và năm 2009

Ảnh hưởng số liệu so sánh trên báo cáo tài chính năm 2009

	Mã số	Trình bày trên báo cáo năm nay VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
a/ Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp khác	314	43,113,853,550	41,666,927,790	1,446,925,760
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9,387,691,372	10,834,617,132	(1,446,925,760)
b/ Báo cáo kết quả kinh doanh				
Chi phí khác	32	12,281,542,892	10,834,617,132	1,446,925,760

Ảnh hưởng số liệu so sánh trên báo cáo tài chính năm 2010

	Mã số	Trình bày trên báo cáo năm nay VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
a/ Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp khác	314	37,309,363,612	30,170,288,694	7,139,074,918
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	26,984,119,291	34,123,194,209	(7,139,074,918)
b/ Báo cáo kết quả kinh doanh				
Chi phí khác	32	5,983,869,252	291,720,094	5,692,149,158

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2011
Tổng Giám đốc

Lê Văn Thanh

Nguyễn Thị Quỳnh Loan

Viên Ngọc Bảo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	150,000,000,000	36,870,650,000	-	10,374,804,695	2,639,475,784	9,387,691,372	209,272,621,851
Số tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	26,446,764,870	26,446,764,870
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	26,440,332,805	26,440,332,805
Tăng khác	-	-	-	-	-	6,432,065	6,432,065
Số giảm trong năm trước	-	-	8,924,272	-	-	8,850,336,951	8,859,261,223
LN phải trả cho Công ty TNHH Acset Indonusa	-	-	-	-	-	2,432,962,088	2,432,962,088
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	6,000,000,000	6,000,000,000
Giảm khác	-	-	8,924,272	-	-	417,374,863	426,299,135
Số dư cuối năm trước	150,000,000,000	36,870,650,000	(8,924,272)	10,374,804,695	2,639,475,784	26,984,119,291	226,860,125,498
Tăng trong năm nay	26,997,920,000	-	-	1,672,256,334	1,672,256,334	49,774,111,074	80,116,543,742
Tăng vốn trong năm nay	26,997,920,000	-	-	-	-	-	26,997,920,000
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	49,774,111,074	49,774,111,074
Tăng do phân phối lợi nhuận	-	-	-	1,606,624,098	1,606,624,098	-	3,213,248,196
Tăng khác	-	-	-	65,632,236	65,632,236	-	131,264,472
Giảm trong năm nay	-	-	(8,924,272)	7,000,000,000	-	39,826,366,109	46,817,441,837
LN phải trả cho Công ty TNHH Acset Indonusa	-	-	-	-	-	4,865,924,176	4,865,924,176
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	28,997,920,000	28,997,920,000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	5,962,521,933	5,962,521,933
Giảm khác	-	-	(8,924,272)	7,000,000,000	-	-	6,991,075,728
Số dư cuối năm nay	176,997,920,000	36,870,650,000	-	5,047,061,029	4,311,732,118	36,931,864,256	260,159,227,403

(*) Số liệu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố (xem chi tiết TM số 35)